

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ – HỆ CHÍNH QUY**  
**CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

**Hà Nội, năm 2019**

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2019 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội).

## 1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

### 1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

**- Tên chương trình**

: Quản lý đất đai

: Land Administration

**- Trình độ đào tạo**

: Thạc sĩ

**- Chuyên ngành đào tạo**

: Quản lý đất đai

**- Mã số**

: 8850103

**- Thời gian đào tạo**

: 1,5 năm

**- Loại hình đào tạo**

: Chính quy

**- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp**

+ Tiếng Việt

: Thạc sĩ quản lý đất đai

+ Tiếng Anh

: Master of Land Administration

### 1.2. Mục tiêu đào tạo

#### 1.2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai giúp các học viên có kiến thức chuyên sâu trong tổ chức nghiên cứu, quản lý và giải quyết các vấn đề chuyên môn về quản lý đất đai: Chính sách đất đai; quy hoạch, quản lý Nhà nước về đất đai; quản lý và kinh doanh bất động sản; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đất đai... Có khả năng tự chịu trách nhiệm, làm việc độc lập, sáng tạo và thích ứng với môi trường năng động của nền kinh tế thị trường và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành Quản lý đất đai;

#### 1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực quản lý đất đai; có tư duy phản biện; có kiến thức tổng hợp liên quan đến lĩnh vực Quản lý đất đai; nắm vững kiến thức lý thuyết chuyên sâu về lĩnh vực Quản lý đất đai để phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ;

Rèn luyện kỹ năng chuyên môn ngành và kết hợp chuyên môn ngành với chuyên môn các ngành có liên quan trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường.

## 2. Chuẩn đầu ra mà người học đạt được sau tốt nghiệp

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp sau:

### 2.1. Kiến thức

*\* Kiến thức cơ sở và chuyên ngành:*

- Xác định phương pháp toán, mô hình tối ưu và hệ thống thông tin địa lý trong công tác quy hoạch và quản lý đất đai;

- Phân tích các kiến thức về tài chính đất đai, hệ thống quản lý đất đai phát triển, thẩm định giá và bất động sản, Quản lý và kinh doanh bất động sản và quy hoạch đất đai để phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan.

- Vận dụng kiến thức về chất lượng đất để bố trí phương án quy hoạch sử dụng đất, quản lý quy hoạch nông thôn, phát triển không gian và lựa chọn đầu tư cho một vùng lãnh thổ cụ thể.

- Phân tích kiến thức về chính sách đất đai; thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất; quản lý tài nguyên đất tổng hợp để giải quyết các vấn đề chuyên môn của ngành quản lý đất đai;

- Ứng dụng các công nghệ hiện đại và phần mềm tin học chuyên ngành vào xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

- Áp dụng các kiến thức chuyên môn và phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành quản lý đất đai.

- Phân tích và đánh giá được chính xác các công việc liên quan đến thực tiễn công tác quản lý đất đai.

- Vận dụng được kiến thức về pháp luật, kinh tế, quản lý, bảo vệ môi trường và quản lý lưu vực trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất.

- Vận dụng những kiến thức về viễn thám, sử dụng đất, quy hoạch, chính sách đất đai và thị trường bất động sản vào nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

*\* Kiến thức Tiếng Anh và Tin học:*

- Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo quy định Điểm b, Khoản 2, Điều 27 của thông tư số 15/2014/TT – BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Sử dụng thành thạo một số phần mềm chuyên ngành.

**2.2. Kỹ năng**

- Giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong công tác quản lý, sử dụng đất đai đối với một vùng lãnh thổ cụ thể.

- Đánh giá thực trạng và những vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, sử dụng đất đai và thị trường bất động sản.

- Độc lập nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để cải tiến chính sách và công nghệ trong lĩnh vực quản lý đất đai.

- Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng; Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học chuyên ngành và công nghệ viễn thám trong xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên đất và môi trường

### **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Phát hiện và đề xuất những sáng kiến để giải quyết các vấn đề chuyên môn của ngành quản lý đất đai.

- Tổng hợp và đưa ra những kết luận chuyên môn trên cơ sở các lý luận khoa học về các vấn đề phức tạp của lĩnh vực quản lý đất đai

- Có khả năng đưa ra những kết luận chuyên môn liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai, đồng thời có những lý luận phù hợp để bảo vệ được những kết luận đã đưa ra.

- Xây dựng và thẩm định các báo cáo khoa học và dự án nghiên cứu thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng đất.

- Nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất;

- Điều hành, quản lý nhóm để xử lý các vấn đề lớn của ngành quản lý đất đai như: lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai; tài chính đất đai; thu hồi đất; ...

- Định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; hoàn thiện và phát triển các kiến thức nhằm nâng cao năng lực bản thân và vận dụng vào công tác chuyên môn trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất.

- Điều hành, phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn của ngành quản lý đất đai.

## **3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

### **3.1. Đối tượng tuyển sinh**

***Nhóm 1: Nhóm ngành đúng (Không yêu cầu học bổ túc kiến thức trước khi thi tuyển đầu vào)***

Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

Cụ thể là các thí sinh có bằng kỹ sư hoặc cử nhân các ngành: Quản lý đất đai, Quản lý ruộng đất

***Nhóm 2: Nhóm ngành gần***

Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định trong nhóm 1 ở trên) hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành. Bao gồm các thí sinh:

- Có văn bằng kỹ sư hoặc cử nhân các ngành: Quản lý Tài nguyên môi trường, Kinh

tế tài nguyên thiên nhiên; Địa chính, Khoa học đất, Nông hóa - Thổ nhưỡng, Đo đạc địa chính; Kỹ thuật trắc địa bản đồ;

Những thí sinh là đối tượng thuộc nhóm ngành gần phải học bổ sung kiến thức các học phần sau và phải học bổ sung trước khi tham gia thi tuyển:

### **3.2. Điều kiện dự tuyển**

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

(1). Về văn bằng

a) Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ.

b) Người tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ phải học và đạt các học phần bổ sung kiến thức theo quy định cho từng ngành.

c) Người có bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

(2) Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần với ngành dự thi được đăng ký dự thi tuyển sinh ngay sau khi có bằng tốt nghiệp đại học.

(3) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

(4) Có đủ sức khoẻ để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học theo quy định tại Điểm e, Khoản 1, Điều 9 của Quy định này, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học.

(5) Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Nhà trường.

### **4. Điều kiện tốt nghiệp, cấp bằng điểm, cấp bằng thạc sĩ Quản lý đất đai**

Thực hiện theo Điều 32 của Hướng dẫn thực hiện Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (*Ban hành kèm theo Quyết định số:2399 /QĐ-ĐHHN ngày 01 tháng 09 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội*).

## 5. Chương trình đào tạo

### 5.1 Khái quát chương trình

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý đất đai bao gồm 60 tín chỉ, trong đó thời lượng kiến thức chung là 6 tín chỉ; kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành là 42 tín chỉ và luận văn thạc sĩ là 12 tín chỉ. Mỗi tín chỉ tương đương với 15 tiết học lý thuyết, 30 – 45 tiết học thực hành. Thời gian của mỗi tiết học là 50 phút.

<b>Khối lượng kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ</b>
<b>Kiến thức chung</b>	<b>6</b>
<b>Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành</b>	<b>42</b>
<i>Kiến thức bắt buộc</i>	<i>24</i>
<i>Kiến thức tự chọn</i>	<i>18</i>
<b>Luận văn</b>	<b>12</b>
<b>Tổng</b>	<b>60</b>

### 5.2 Danh mục các học phần trong Chương trình đào tạo

- Ký hiệu: - LT : Lý thuyết  
 - TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	MÃ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN			SỐ TÍN CHỈ			Mã học phần học trước
	Phần chữ	Phần số	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh	Tổng	LT	TH, TH, TT	Tự học	
<b>I</b>	<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG (6 tín chỉ)</b>								
1	NNTA	3102	Tiếng Anh	English	3	1,0	2,0	90	
2	LTMT	3101	Triết học	Philosophy	3	2,0	1,0	90	
<b>II</b>	<b>KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH</b>								
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc (24 tín chỉ)</b>								
3	QĐQN	3501	Phân tích chính sách đất đai	Land Policy Analysis	3	2,0	1,0	90	
4	NNTA	3104	Tiếng Anh chuyên ngành	English for Land Administration	2	0,5	1,5	60	
5	QĐKD	3522	Đánh giá đất nâng cao	Advanced Land Evaluation	3	2,0	1,0	90	

TT	MÃ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN			SỐ TÍN CHỈ			Mã học phần học trước
	Phần chữ	Phần số	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh	Tổng	LT	TH, TH, TT	Tự học	
6	QĐKĐ	3503	Quy hoạch sử dụng đất bền vững	Sustainable Land Use Planning	3	2,5	0,5	90	QĐKĐ 3522
7	QĐĐC	3523	Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	Building and Development of Land Database	2	1,5	0,5	60	
8	QĐQN	3524	Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai	Modernizing land registration system	2	1,5	0,5	60	
9	QĐQN	3525	Thẩm định giá đất và Bất động sản	Real estate and land valuation	3	2,0	1,0	90	QĐKĐ 3503
10	QĐQN	3526	Thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất	Inspection and Supervision of Land Use Management	2	1,5	0,5	60	
11	QĐQN	3527	Chính sách thu hồi đất	Land acquisition policy	2	1,5	0,5	60	QĐQN 3501
12	QĐQN	3528	Quản lý và kinh doanh Bất động sản	Real estate business and management	2	1,5	0,5	60	QĐQN 3525
<b>II.2</b>	<b>Các học phần lựa chọn (18/32 tín chỉ )</b>								
13	QĐKĐ	3609	Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất*	Land Resources Conservation and Restoration	2	1,5	0,5	60	

TT	MÃ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN			SỐ TÍN CHỈ			Mã học phần học trước
	Phần chữ	Phần số	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh	Tổng	LT	TH, TH, TT	Tự học	
14	QĐKĐ	3610	Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất bền vững	Principles of Landscape Ecology for Sustainable Land Use Planning	2	1,5	0,5	60	
15	QĐKĐ	3629	Quy hoạch vùng lãnh thổ*	Regional Planning	2	1,5	0,5	60	
16	QĐKĐ	3612	Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp nâng cao	Advanced Agricultural Land Use Planning	3	2,0	1,0	90	
17	QĐKĐ	3630	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp*	Integrated Land Resource Management	2	1,5	0,5	60	QĐQN 3617
18	QĐĐC	3631	Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai*	Application of GIS and Remote Sensing for Land Administration	2	1,5	0,5	60	QĐQN 3524
19	QĐĐC	3615	Công nghệ thành lập bản đồ hiện đại	Modern Mapping Technology	3	2,0	1,0	90	
20	QĐKĐ	3617	Sử dụng đất và kinh tế đất nâng cao*	Advanced Land Use and Land Economics	2	1,5	0,5	60	QĐKĐ 3522



TT	MÃ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN			SỐ TÍN CHỈ			Mã học phần học trước
	Phần chữ	Phần số	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh	Tổng	LT	TH, TH, TT	Tự học	
21	QĐQN	3618	Ứng dụng công nghệ định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai	Application of Global Positioning System for Land Administration	2	1,5	0,5	60	
22	QĐĐC	3504	Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường nâng cao	Advanced State Management of Resources and Environment	2	1,5	0,5	60	
23	QĐKĐ	3632	Đô thị hóa và quản lý sử dụng đất đô thị*	Urbanization and management of urban land use	2	1,5	0,5	60	
24	QĐQN	3633	Chính sách tài chính về đất đai nâng cao*	Advanced financial policy for land	2	1,5	0,5	60	QĐQN 3501
25	QĐQN	3619	Chuyên đề chuyên ngành 1: Quản lý hành chính về đất đai*	Special Topics 1: Land Administration	2	0	2,0	60	

TT	MÃ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN			SỐ TÍN CHỈ			Mã học phần học trước
	Phần chữ	Phần số	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh	Tổng	LT	TH, TH, TT	Tự học	
26	QĐQN	3620	Chuyên đề chuyên ngành 2: Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại	Special Topics 2: Land Administration Model according to modern technology	2	0	2,0	60	
27	QĐQN	3621	Chuyên đề chuyên ngành 3: Quản lý đất đai một số nước trên thế giới*	Special Topics 3: Land Administration of some countries in the world	2	0	2,0	60	
28	QĐQN	3834	<b>LUẬN VĂN</b>			<b>12</b>			
<b>Tổng cộng</b>						<b>60</b>			

(\* là những học phần tự chọn được chọn)

## **6. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần**

### **6.1. Tiếng Anh**

**3TC**

Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Học phần cung cấp cho học viên được những từ vựng hay gặp trong các tình huống hàng ngày về các chủ đề quen thuộc. Ngoài ra được củng cố và nắm vững kiến thức ngữ pháp thường sử dụng nhiều trong văn phong khoa học; được học cách cấu tạo và sử dụng các loại từ vựng như tính từ, động từ, cụm động từ...

### **6.2. Triết học**

**3TC**

Nội dung của học phần tập trung trình bày khái luận về triết học, lịch sử triết học phương Đông gồm Ấn Độ và Trung Hoa cổ đại, triết học phương Tây từ thời cổ đại đến hiện đại và tư tưởng triết học Việt Nam trong Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo và tư tưởng Hồ Chí Minh; các nội dung nâng cao về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử cũng như sự vận động của triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó; quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và vai trò của khoa học - công nghệ trong sự phát triển xã hội. Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.

### **6.3. Phân tích chính sách đất đai**

**3TC**

Học phần “*Phân tích chính sách đất đai*” cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức liên quan tới: Cơ sở lý luận và thực tiễn về chính sách đất đai; Khái niệm, mục đích, nội dung và phương pháp phân tích chính sách đất đai; Kinh nghiệm học tập về chính sách đất đai của một số nước và khu vực trên thế giới; một số chính sách đất đai cụ thể ở nước ta. Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.

### **6.4. Tiếng Anh chuyên ngành**

**2TC**

Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Học phần cung cấp cho học viên vốn từ vựng cơ bản của Tiếng Anh về lĩnh vực Quản lý đất đai; củng cố và đi sâu vào phần ngữ pháp được sử dụng nhiều trong văn phong khoa học.

### **6.5. Đánh giá đất đai nâng cao**

**3TC**

Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Học phần đánh giá đất đai nâng cao nhằm trang bị cho học viên những phương pháp, quy trình, kỹ thuật điều tra đánh giá đất đai theo Thông tư 35/2014/TT-BTNMT về điều tra, đánh giá đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Học phần đánh giá đất đai nâng cao gồm 4 chương. Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản về điều tra, đánh giá đất đai cũng như ứng dụng kỹ thuật GIS trong điều tra, đánh giá đất đai. Chương 2 trình bày quy trình, kỹ thuật phân hạng đất đai theo phương pháp

của FAO. Chương 3 trình bày quy trình, kỹ thuật điều tra đánh giá chất lượng đất. Chương 4 trình bày quy trình, kỹ thuật điều tra, đánh giá ô nhiễm đất.

#### **6.6. Quy hoạch sử dụng đất bền vững** **3TC**

Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Học phần “Quy hoạch sử dụng đất bền vững” cung cấp cho học viên một số kiến thức về (i) Một số vấn đề chung về quy hoạch sử dụng đất bền vững; (ii) Lồng ghép bảo vệ tài nguyên đất trong xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất ở Việt Nam; (iii) Ứng dụng toán tối ưu trong lập phương án quy hoạch sử dụng đất bền vững.

#### **6.7. Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai** **2TC**

Học phần xây dựng và phát triển dữ liệu đất đai đa bao gồm các nội dung chính như sau: Tổng quan về cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; quản lý, khai thác sử dụng, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai. Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.

#### **6.8. Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai** **2TC**

Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Học phần hiện đại hoá hệ thống đăng ký đất đai gồm các nội dung chính sau: Khái niệm và nguyên tắc giao dịch điện tử; các thủ tục hành chính trong đăng ký đất đai được giao dịch điện tử. Một số mô hình đăng ký đất đai hiện đại; Mô hình đăng ký đất đai qua WEB; Mô hình tin học hóa đất đai; Mô hình đăng ký đất đai VietLIS.

#### **6.9. Thẩm định giá đất và bất động sản** **3TC**

Cung cấp cho học viên hệ thống kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận giá đất và bất động sản; phân tích hiện trạng công tác định giá đất và bất động sản, các phương pháp định giá bất động sản; quản lý nhà nước về giá bất động sản; tổ chức thẩm định dự thảo bảng giá đất; thẩm định giá đất cụ thể; lập các chứng thư định giá. Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.

#### **16.10. Thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất** **2TC**

Với thời lượng giảng dạy 2 tín chỉ (tương đương 30 giờ), học phần “Thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất” cung cấp cho học viên một số kiến thức chung về thanh tra, giám sát quản lý và sử dụng đất; thanh tra, giám sát việc thực hiện chức năng quản lý sử dụng đất đai của các cấp hành chính và giám sát của công dân trong quản lý và sử dụng đất đai. Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.

#### **6.11. Chính sách thu hồi đất** **2TC**

Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Với thời lượng giảng dạy 2 tín chỉ (tương đương 30 giờ), học phần “Chính sách thu hồi đất” cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch thu hồi đất, lập hồ sơ thu hồi đất cũng như kỹ năng vận động thuyết phục người dân chấp hành Luật đất đai khi nhà nước thu hồi đất. Các nội dung giảng dạy tập trung

vào các nhóm vấn đề sau: (i) Tổng quan về môn học; (ii) Thu hồi đất, trưng dụng đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; (iii) Trình tự, thủ tục thu hồi đất; (iv) Một số quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, (v) Hồ sơ thu hồi đất.

#### **6.12. Quản lý và kinh doanh Bất động sản 3TC**

Học phần Quản lý và kinh doanh bất động sản bao gồm các nội dung chính như sau: Tổng quan về thị trường bất động sản; quan hệ cung - cầu và giá cả bất động sản; đầu tư bất động sản; quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản. Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.

#### **6.13. Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất 2TC**

Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Học phần “*Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất*” cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức liên quan tới: Một số vấn đề chung về tài nguyên đất; bảo vệ và quản lý đất đai; hướng dẫn về hoạt động phục hồi đất.

#### **6.14. Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất bền vững 2TC**

Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Với thời lượng giảng dạy 2 tín chỉ (tương đương 30 giờ), học phần “*Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất*” cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức về lý thuyết sinh thái cảnh quan nâng cao và những ứng dụng trong công tác quy hoạch sử dụng đất. Các nội dung cụ thể tập trung vào 10 nhóm chủ đề sau: (1) lược sử sinh thái cảnh quan và các quan niệm; (2) mô hình sinh thái học về các yếu tố cảnh quan; (3) metric cảnh quan; (4) quy hoạch sử dụng đất đa chức năng; (5) quy hoạch sử dụng đất cho phục hồi cảnh quan; (6) quy hoạch sử dụng đất dựa trên dấu chân sinh thái; (7) quy hoạch sử dụng đất khu nông thôn và đô thị; (8) quy hoạch không gian xanh đô thị; (9) quy hoạch hành lang đa dạng sinh học; (10) quy hoạch sử dụng đất trong khu bảo tồn tự nhiên.

#### **6.15. Quy hoạch vùng lãnh thổ 2TC**

Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Với thời lượng giảng dạy 3 tín chỉ (tương đương 45 giờ), học phần “*Quy hoạch vùng lãnh thổ*” cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức liên quan tới: (i) Những vấn đề cơ bản liên quan đến quy hoạch vùng; (ii) Cơ sở khoa học của quy hoạch vùng lãnh thổ; (iii) Nghiên cứu một số hình thái quy hoạch vùng trên thế giới và ở Việt Nam; (iv) Trình tự, nội dung quy hoạch vùng lãnh thổ

#### **6.16. Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp nâng cao 3TC**

Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Với thời lượng giảng dạy 3 tín chỉ (tương đương 45 giờ), học phần “*Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp nâng cao*” cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức hiện đại và phương pháp tiên tiến được sử dụng trong công tác lập quy hoạch sử dụng đất

nông nghiệp đáp ứng được các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội mới trong bối cảnh phát triển bền vững quốc gia và biến đổi khí hậu toàn cầu. Các nội dung giảng dạy được thiết kế tập trung vào các nhóm vấn đề sau: (i) Nội dung, nguyên tắc và quy trình quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; (ii) Điều tra, đánh giá phục vụ quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; (iii) Phân vùng nông nghiệp, quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và lồng ghép các tiêu chí phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường trong quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; (iv) Giải pháp, quản lý quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và xây dựng bộ tiêu chí về chất lượng đất đai phục vụ quản lý quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp.

#### **6.17. Quản lý tài nguyên đất tổng hợp**

**2TC**

Học phần “*Quản lý tài nguyên đất tổng hợp*” cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức căn bản và nâng cao về các công cụ cơ bản trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất. Nội dung môn học gồm: (1) Khái quát quản lý tổng hợp tài nguyên đất tổng hợp; (2) Công cụ chính sách quản lý tài nguyên đất tổng hợp; (3) Công cụ quy hoạch sử dụng tài nguyên đất tổng hợp; (4) Công cụ kinh tế trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất tổng hợp. Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.

#### **6.18. Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai**

**2TC**

Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Học phần gồm hai chương. Chương 1 về viễn thám ứng dụng trong quản lý đất đai. Chương này giới thiệu những nguyên lý cơ bản về viễn thám như cơ sở vật lý viễn thám, hệ thống vệ tinh, các phương pháp xử lý dữ liệu viễn thám. Sau đó, chuyên đề ứng dụng viễn thám trong theo dõi biến động đất đai và chuyên đề ứng dụng viễn thám trong điều tra đất cơ bản được trình bày khái lược. Chương 2 trình bày những nguyên lý cơ bản về GIS. Sau đó, nội dung tiếp theo là chuyên đề về ứng dụng GIS trong phân tích không gian nâng cao như nội suy dữ liệu và phân tích đa nhân tố. Phần thực hành giúp học viên thực hiện một số ứng dụng chính của GIS và viễn thám trong ngành quản lý đất đai.

#### **6.19. Công nghệ thành lập bản đồ hiện đại**

**3TC**

Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Học phần Công nghệ thành lập bản đồ hiện đại bao gồm các nội dung chính như sau: Tổng quan về công nghệ thành lập bản đồ; một số công nghệ hiện đại trong thành lập bản đồ; hiệu quả và khả năng khai thác dữ liệu của công nghệ bản đồ hiện đại trong quản lý đất đai

#### **6.20. Sử dụng đất và kinh tế đất nâng cao**

**2TC**

Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Học phần sử dụng đất và kinh tế đất bao gồm các nội dung chính như sau: Tổng quan về đất đai và sử dụng đất đai; tổng quan về kinh tế đất, địa tô; lợi thế so sánh và chi phí cơ hội trong kinh tế sử dụng đất; đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất

nông nghiệp.

**6.21. Ứng dụng công nghệ định vị toàn cầu trong quản lý đất đai 2TC**

Học phần Ứng dụng công nghệ định vị toàn cầu trong quản lý đất đai bao gồm các nội dung chính như sau: Tổng quan về hệ thống GNSS; khả năng ứng dụng GNSS; Hiệu quả ứng dụng GNSS trong quản lý đất đai. Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.

**6.22. Quản lý Nhà nước về Tài nguyên và Môi trường nâng cao 2TC**

Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Với thời lượng giảng dạy 2 tín chỉ (tương đương 30 giờ), học phần “Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường nâng cao” cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức về chung về quản lý tài nguyên và môi trường; các xu thế sử dụng tài nguyên và môi trường trên thế giới cũng như ở Việt Nam, các nội dung cũng như công cụ quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường.

**6.23. Đô thị hóa và quản lý sử dụng đất đô thị 2TC**

Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Học phần Đô thị hóa và quản lý sử dụng đất đô thị bao gồm các nội dung chính như sau: Khái quát chung về đô thị và đô thị hóa; quản lý nhà nước về đô thị và quản lý sử dụng đất đô thị.

**6.24. Chính sách tài chính về đất đai nâng cao 2TC**

Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Nội dung của học phần tập trung trình bày tổng quan về ngân sách Nhà nước; Luật ngân sách Nhà nước trong nền tài chính công hiện nay; tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước và những vấn đề cơ bản về pháp luật thuế; Tài chính về đất đai và pháp luật thuế đối với đất đai; Một số khoản thu khác liên quan đến đất đai.

**6.25. Chuyên đề chuyên ngành 1: Quản lý hành chính về đất đai 2TC**

Học phần “Chuyên đề Quản lý hành chính về đất đai” nhằm cung cấp cho học viên các vấn đề chung liên quan tới quản lý hành chính về đất đai. Học viên sẽ viết báo cáo đánh giá, phân tích lý luận và thực tiễn về quản lý hành chính về đất đai. Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.

**6.26. Chuyên đề chuyên ngành 2: Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại 2TC**

Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Học phần “Chuyên đề Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại bao gồm các nội dung chính như sau: Giới thiệu tổng quan về quản lý hành chính Nhà nước về đất đai qua các thời kỳ; Phân tích, đánh giá thực tiễn quản lý hành chính Nhà nước về đất đai; xây dựng đề cương chuyên đề, phương pháp thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến chuyên đề; xử lý, phân tích, đánh giá tài liệu, số liệu thu thập được về quản lý hành chính về đất đai.

**6.27. Chuyên đề chuyên ngành 3: Quản lý đất đai một số nước trên thế giới** **2TC**

Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Học phần “Chuyên đề Quản lý đất đai một số nước trên thế giới” nhằm cung cấp cho học viên các vấn đề chung liên quan tới quản lý đất đai ở các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Học viên sẽ viết các báo cáo đánh giá, phân tích lý luận và thực tiễn và kinh nghiệm về quản lý đất đai của các nước trên thế giới.

**6.28. Luận văn** **12TC**

Nội dung: Giúp cho học viên biết cách áp dụng lý thuyết đã học vào nghiên cứu một đề tài khoa học cụ thể. Ngoài ra, luận văn để đánh giá khả năng nghiên cứu độc lập của học viên; chứng tỏ học viên đã nắm vững kiến thức đã học, các phương pháp nghiên cứu và kỹ năng thực hành về vấn đề nghiên cứu

**7. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)**

Phân bổ nội dung chương trình đào tạo được phân bổ thành 3 học kỳ tối thiểu 1,5 năm; dự kiến như sau:

Năm học	Học kỳ	Tên học phần	Mã học phần		Số TC	
Năm thứ nhất	Học kỳ 1	<b>Bắt buộc</b>				
		Tiếng Anh	NNTA	3102	3	
		Tiếng Anh chuyên ngành	NNTA	3104	2	
		Triết học	LTMT	3101	3	
		Phân tích chính sách đất đai	QĐQN	3501	3	
		Đánh giá đất nâng cao	QĐKĐ	3522	3	
		Quy hoạch sử dụng đất bền vững	QĐKĐ	3503	3	
		Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai	QĐQN	3524	2	
		<b>Tự chọn</b>				
		Bảo vệ phục hồi tài nguyên đất*	QĐKĐ	3509	2	
		<b>Tổng kỳ 1</b>			<b>21</b>	
	Học kỳ 2	<b>Bắt buộc</b>				
		Thẩm định giá đất và Bất động sản	QĐQN	3525	3	
		Thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất	QĐQN	3526	2	
		Chính sách thu hồi đất	QĐQN	3527	2	
		Quản lý và kinh doanh Bất động sản	QĐQN	3528	2	
		<b>Tự chọn</b>				
		Quy hoạch vùng lãnh thổ*	QĐKĐ	3629	2	
		Quản lý tài nguyên đất tổng hợp*	QĐKĐ	3630	2	
		Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai*	QĐĐC	3631	2	



Năm học	Học kỳ	Tên học phần	Mã học phần		Số TC
		Sử dụng đất và kinh tế đất nâng cao*	QĐQN	3617	2
		Đô thị hóa và quản lý sử dụng đất đô thị*	QĐQN	3632	2
		Chính sách tài chính về đất đai nâng cao*	QĐQN	3633	2
		<b>Tổng kỳ 2</b>			<b>21</b>
<b>Năm thứ hai</b>	<b>Học kỳ 1</b>	<b>Bắt buộc</b>			
		Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	QĐĐC	3523	2
		<b>Tự chọn</b>			
		Chuyên đề chuyên ngành 1: Quản lý hành chính về đất đai*	QĐQN	3619	2
		Chuyên đề chuyên ngành 3: Quản lý đất đai một số nước trên thế giới*	QĐQN	3621	2
		Luận văn	QĐQN	3801	12
		<b>Tổng kỳ 3</b>			<b>18</b>
		<b>Tổng số</b>			<b>60</b>

## 8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 – 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷90 giờ thực tập tại cơ sở, 45 – 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).